

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN
LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 26 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý IV/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

- Mã chứng khoán: AIG
- Địa chỉ: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 5416 1386
- Fax:
- Email:.....
- Website: www.asiagroup-vn.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý IV/năm 2025
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có
☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có
☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):



☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/01/2026 tại đường dẫn: www.asiagroup-vn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng Quý IV/2025
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận Quý IV/2025 so với cùng kỳ

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 26 tháng 01 năm 2026

**GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO QUÝ IV/2025 SO VỚI
CÙNG KỲ**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Tên Tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORP

ORATION

Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 5416 1386

Website: www.asiagroup-vn.com

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Tùng

Chức danh: Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ

☐ Bất thường

☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 26/01/2026, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) phát hành Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2025 tự lập (“Báo cáo”) ký ngày 26/01/2026.

Theo đó, Công ty xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ trong Quý IV/2024 sang lãi trong Quý IV/2025 như sau:

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Quý IV/2025	Quý IV/2024	% Tăng/(Giảm)
60	18. Lợi nhuận sau thuế	170.879.883.021	(14.988.550.369)	(-1.240,07%)

Một số nguyên nhân chính:

- Mã số 21: Thu nhập từ cổ tức trong Quý IV/2025 đạt 167 tỷ đồng, so với không phát

sinh trong Quý IV/2024 do nguồn vốn được phân bổ cho các hoạt động M&A theo kế hoạch của Ban Giám đốc. Ảnh hưởng ròng của các khoản mục khác trên Báo cáo Kết quả Kinh doanh là không đáng kể so với thu nhập từ cổ tức.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Tùng



Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 31

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		215.610.542.624	110.974.415.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	60.810.853.334	25.613.245.018
111	▪ Tiền		15.810.853.334	4.469.305.846
112	▪ Các khoản tương đương tiền		45.000.000.000	21.143.939.172
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		132.982.173.911	61.758.029.676
131	▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	95.412.790.403	15.683.207.387
132	▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	9.769.141.075	821.007.846
135	▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn		25.000.000.000	25.000.000.000
136	▪ Phải thu ngắn hạn khác	6	2.800.242.433	20.253.814.443
140	IV. Hàng tồn kho	7	-	15.280.302
141	▪ Hàng tồn kho	7	-	15.280.302
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.817.515.379	23.587.860.548
151	▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.890.740.437	896.937.938
152	▪ Thuế GTGT được khấu trừ		18.920.134.942	22.684.282.610
153	▪ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	6.640.000	6.640.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.607.906.201.928	3.428.376.898.639
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		35.500.000	28.000.000
216	▪ Phải thu dài hạn khác	6	35.500.000	28.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.413.646.691	2.412.674.470
221	▪ Tài sản cố định hữu hình	8	1.470.664.198	1.986.419.471
222	- Nguyên giá		1.946.898.636	3.585.439.545
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(476.234.438)	(1.599.020.074)
227	▪ Tài sản cố định vô hình	9	942.982.493	426.254.999
228	- Nguyên giá		1.128.050.000	505.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(185.067.507)	(79.545.001)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	97.996.930.576	104.252.053.804
231	▪ Nguyên giá		110.500.000.000	110.500.000.000
232	▪ Giá trị hao mòn lũy kế		(12.503.069.424)	(6.247.946.196)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		245.900.200	1.403.256.428
242	▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		245.900.200	1.403.256.428
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	11	3.374.088.917.231	3.184.744.578.291
251	▪ Đầu tư vào công ty con	11.1	3.318.865.707.785	2.892.100.344.316
252	▪ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.2	80.000.000.000	301.802.120.465
254	▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	11	(24.776.790.554)	(9.157.886.490)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		133.125.307.230	135.536.335.646
261	▪ Chi phí trả trước dài hạn	12	133.125.307.230	135.536.335.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.823.516.744.552	3.539.351.314.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		460.179.972.654	677.585.271.285
310	I. Nợ ngắn hạn		460.179.972.654	677.585.271.285
311	▪ Phải trả cho người bán ngắn hạn	13	74.079.573.721	2.211.009.216
313	▪ Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	14	1.498.954.802	880.641.233
315	▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	15	20.403.077.407	25.117.517.473
318	▪ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.292.928	7.000.000
319	▪ Phải trả ngắn hạn khác		91.779.640	268.809.207
320	▪ Vay ngắn hạn	16	350.000.000.000	635.000.000.000
322	▪ Quỹ khen thưởng và phúc lợi		14.100.294.156	14.100.294.156
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.363.336.771.898	2.861.766.042.898
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.363.336.771.898	2.861.766.042.898
411	▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	▪ Thặng dư vốn cổ phần	17.1	174.000.000.000	174.000.000.000
421	▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	1.483.323.791.898	981.753.062.898
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		981.753.062.898	778.012.102.801
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		501.570.729.000	203.740.960.097
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.823.516.744.552	3.539.351.314.183


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 01 năm 2026


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng




Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	18.1	189.909.085.274	19.552.105.766	321.771.242.162	34.899.984.502
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần	18.1	189.909.085.274	19.552.105.766	321.771.242.162	34.899.984.502
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(174.010.255.243)	(16.213.544.687)	(293.384.380.745)	(24.308.002.841)
20	5. Lợi nhuận gộp		15.898.830.031	3.338.561.079	28.386.861.417	10.591.981.661
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	185.739.096.764	551.012.952	582.366.841.712	260.622.525.091
22	7. Chi phí tài chính	20	(29.277.432.300)	(13.913.296.461)	(52.003.738.423)	(28.713.310.162)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(5.973.671.240)	(9.939.616.443)	(28.696.424.654)	(24.739.630.144)
25	8. Chi phí bán hàng		3.161.219.716		(1.447.112.008)	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3.824.288.562)	(4.929.181.129)	(54.841.367.354)	(38.704.607.860)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		171.697.425.649	(14.952.903.559)	502.461.485.344	203.796.588.730
31	11. Thu nhập khác		(41.666.666)	508.041	497.755	529.635
32	12. Chi phí khác		(775.275.962)	(35.724.851)	(888.146.099)	(55.728.268)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

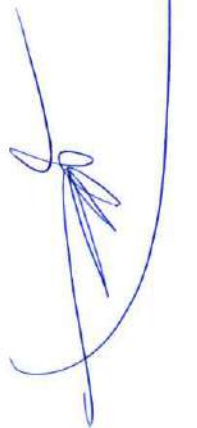
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

VND

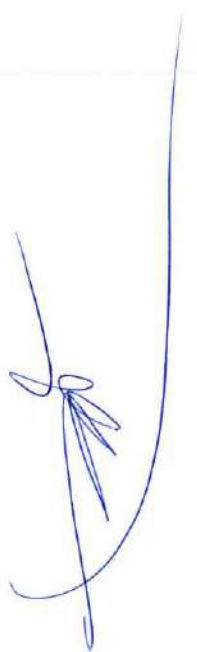
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
40	13. Lợi nhuận khác		(816.942.628)	(35.216.810)	(887.648.344)	(55.198.633)
50	14. Lợi nhuận thuần trước thuế		170.880.483.021	(14.988.120.369)	501.573.837.000	203.741.390.097
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(600.000)	(430.000)	(3.108.000)	(430.000)
52	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	22	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế		170.879.883.021	(14.988.550.369)	501.570.729.000	203.740.960.097

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 01 năm 2026



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		501.573.837.000	203.741.390.097
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	▪ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	8;9;10	6.862.545.988	6.847.306.368
03	▪ Các khoản dự phòng	19	15.618.904.064	3.973.680.018
05	▪ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	18.2	(576.457.676.298)	(260.622.525.091)
06	▪ Chi phí lãi vay	20	28.696.424.654	24.739.630.144
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(23.705.964.592)	(21.320.518.464)
09	▪ (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(69.876.764.190)	62.697.312.811
10	▪ (Tăng)/giảm hàng tồn kho		15.280.302	(15.280.302)
11	▪ Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		83.515.879.454	(24.223.752.272)
12	▪ (Tăng)/giảm chi phí trả trước		417.225.917	(114.119.763.401)
14	▪ Tiền lãi vay đã trả		(44.617.602.739)	(4.010.931.507)
15	▪ Thuế TNDN đã nộp		(3.108.000)	(430.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(54.255.053.848)	(100.993.363.135)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	▪ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(10.038.504.367)	(113.157.124.761)
22	▪ Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		905.303.029	-
23	▪ Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	(25.000.000.000)
24	▪ Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	-
25	▪ Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(399.080.700.000)	(842.752.120.465)
26	▪ Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		205.642.600.000	129.967.680.000
27	▪ Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		577.023.963.502	312.047.965.082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		374.452.662.164	(538.893.600.144)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

VND

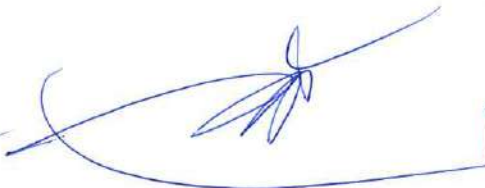
Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	• Tiền thu từ đi vay	16	185.000.000.000	670.000.000.000
34	• Tiền chi trả nợ gốc vay		(470.000.000.000)	(35.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(285.000.000.000)	635.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		35.197.608.316	(4.886.963.279)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	25.613.245.018	30.500.208.297
61	• Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	60.810.853.334	25.613.245.018

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 01 năm 2026



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 90 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 61).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó:

Công ty con bao gồm:

► **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► Công ty Cổ phần APIS ("APIS")

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Bản Yên Hoà, Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

► Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 04 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► ***Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")***

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► ***Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")***

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

► ***Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")***

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 09 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong MDG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")***

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 02 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 83% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 83% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")***

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 75,43% tỷ lệ sở hữu và 98,00% quyền biểu quyết trong AFS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")***

GCF là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 05 năm 2011 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 52,87% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong GCF.

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFC")***

VFC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500577748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 05 năm 2014 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. VFC có trụ sở chính tại Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VFC là sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc và sữa đậu nành.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 52,5% tỷ lệ sở hữu và 99,29% quyền biểu quyết trong VFC thông qua công ty con.

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VCC")***

VFC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600714322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 01 năm 2005 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. VCC có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VCC là sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc và sữa đậu nành.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 52,61% tỷ lệ sở hữu và 99,5% quyền biểu quyết trong VCC thông qua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

► ***Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SWC")***

SWC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500624846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17 tháng 07 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. SWC có trụ sở chính tại Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của SWC là trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 46,53% tỷ lệ sở hữu và 88% quyền biểu quyết trong SWC thông qua công ty con.

Công ty liên kết:

► ***Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")***

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 49% tỷ lệ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

► ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Nước giải khát Nhiệt đới Sài Gòn ("STD")***

STD là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500654985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07 tháng 04 năm 2022 và các GCNĐKDN điều chỉnh. STD có trụ sở chính tại Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của STD là sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 20% tỷ lệ sở hữu trong STD thông qua công ty con.

► ***Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")***

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 40% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,5% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

18 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Tiền mặt	144.189.626	4.720.000
Tiền gửi ngân hàng	15.666.663.708	4.464.585.846
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	21.143.939.172
Tổng cộng	60.810.853.334	25.613.245.018

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải thu từ các công ty khác	77.379.809.023	-
Công ty TNHH Fes (Việt Nam)	23.448.646.606	-
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	53.897.595.750	-
Các khách hàng khác	33.566.667	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 23)	18.032.981.380	15.683.207.387
Tổng cộng	95.412.790.403	15.683.207.387
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	95.412.790.403	15.683.207.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Trả trước cho các công ty khác	9.769.141.075	821.007.846
Công ty TNHH Một thành viên HKKL	2.257.200.000	-
Công ty TNHH Tư vấn - Thiết Kế - Xây dựng Phan Anh	6.564.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kha An Decor	-	819.480.481
Các công ty khác	947.941.075	1.527.365
Tổng cộng	9.769.141.075	821.007.846

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cho vay	887.602.742	204.724.532
Tạm ứng cho nhân viên	1.428.000.000	5.759.118.762
Phải thu cổ tức công ty con (Thuyết minh 23)	-	12.000.000.000
Đặt cọc	484.639.691	567.639.691
Phải thu ngắn hạn khác	-	1.722.331.458
Tổng cộng	2.800.242.433	20.253.814.443
Dài hạn		
Đặt cọc	35.500.000	28.000.000
Tổng cộng	35.500.000	28.000.000
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	1.959.852.020	8.084.040.471
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 23)	875.890.413	12.197.773.972

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	15.280.302
Tổng cộng	-	15.280.302
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	-	15.280.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	VND <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.598.035.000	1.901.040.909	86.363.636	3.585.439.545
Mua trong năm	-	-	262.500.000	262.500.000
Thanh lý tài sản	-	(1.901.040.909)	-	(1.901.040.909)
	<u>1.598.035.000</u>	<u>-</u>	<u>348.863.636</u>	<u>1.946.898.636</u>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	207.333.960	1.372.973.992	18.712.122	1.599.020.074
Khấu hao	207.333.960	251.711.898	42.854.396	501.900.254
Thanh lý tài sản	-	(1.624.685.890)	-	(1.624.685.890)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>414.667.920</u>	<u>-</u>	<u>61.566.518</u>	<u>476.234.438</u>
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>1.390.701.040</u>	<u>528.066.917</u>	<u>67.651.514</u>	<u>1.986.419.471</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>1.183.367.080</u>	<u>-</u>	<u>287.297.118</u>	<u>1.470.664.198</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Nhãn hiệu, tên thương mại</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>TSCĐ Khác</i>	VND <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	395.800.000	-	110.000.000	505.800.000
Mua trong năm	-	37.000.000	-	37.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	585.250.000	-	585.250.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>395.800.000</u>	<u>622.250.000</u>	<u>110.000.000</u>	<u>1.128.050.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	42.878.329	-	36.666.672	79.545.001
Khấu hao	39.579.996	47.609.174	18.333.336	105.522.506
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>82.458.325</u>	<u>47.609.174</u>	<u>55.000.008</u>	<u>185.067.507</u>
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>352.921.671</u>	<u>-</u>	<u>73.333.328</u>	<u>426.254.999</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>313.341.675</u>	<u>574.640.826</u>	<u>54.999.992</u>	<u>942.982.493</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	110.500.000.000
Mua trong năm	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>110.500.000.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	6.247.946.196
Khấu hao	6.255.123.228
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>12.503.069.424</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	104.252.053.804
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>97.996.930.576</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 31/12/2025</i>	<i>Ngày 31/12/2024</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 11.1)	3.318.865.707.785	2.892.100.344.316
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 11.2)	80.000.000.000	301.802.120.465
Tổng cộng	<u>3.398.865.707.785</u>	<u>3.193.902.464.781</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(24.776.790.554)	(9.157.886.490)
Giá trị thuần	<u>3.374.088.917.231</u>	<u>3.184.744.578.291</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Hoà chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm,	Đang hoạt động	96,34%	718.020.621.828	96,34%	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01%	503.512.000.000	64,01%	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42%	509.543.700.000	73,42%	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Apis	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96%	128.067.500.000	76,96%	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực Phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00%	37.900.000.000	100,00%	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc , gia cầm và thủy sản...	Đang hoạt động	99,995%	450.205.902.488	99,995%	450.205.902.488
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98%	153.813.863.004	99,98%	228.931.320.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động			99,50%	199.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Chế biến và bảo quản rau quả	Đang hoạt động	98,00%	264.600.000.000	98,00%	264.600.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	83,00%	37.350.000.000	83,00%	37.350.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	52,87%	515.852.120.465		
TỔNG CỘNG				3.318.865.707.785		2.892.100.344.316
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(23.319.525.868)		(9.157.886.490)
ĐẦU TƯ THUẬN				3.295.546.181.917		2.882.942.457.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động			44,50%	301.802.120.465
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	40,00%	80.000.000.000		
TỔNG CỘNG				80.000.000.000		301.802.120.465
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết				(1.457.264.686)		-
ĐẦU TƯ THUẬN				78.542.735.314		301.802.120.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	506.115.899	8.262.299
Chi phí bảo hiểm	364.539.522	74.277.687
Chi phí phần mềm	1.197.795.011	571.645.419
Chi phí khác	822.290.005	242.752.533
Tổng Cộng	2.890.740.437	896.937.938
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	127.600.946.184	128.450.002.788
Công cụ dụng cụ	487.832.480	664.171.371
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	3.780.449.399	3.667.520.244
Chi phí khác	1.256.079.167	2.754.641.243
Tổng Cộng	133.125.307.230	135.536.335.646

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải trả các công ty khác	3.077.092.681	2.206.070.056
Trong đó:		
Công ty TNHH Noventiq Việt Nam	932.261.040	570.456.000
Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	237.494.594	500.386.119
Egon Zehnder International Pte Ltd	-	653.059.542
Khác	1.907.337.047	482.168.395
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 23)	71.002.481.040	4.939.160
Tổng cộng	74.079.573.721	2.211.009.216

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31/12/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2025
Phải nộp				
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Thuế TNDN	-	3.108.000	(3.108.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	874.241.233	6.367.853.390	(5.749.539.821)	1.492.554.802
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	100.154.185	(100.154.185)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Khác	-	112.430.660	(112.430.660)	-
Tổng cộng	874.001.233	6.587.546.235	(5.969.232.666)	1.492.314.802
Trong đó				
Thuế phải trả	880.641.233			1.498.954.802
Thuế phải thu nhà nước	(6.640.000)			(6.640.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Lương mềm và lương tháng 13	15.078.500.950	4.046.509.000
Chi phí lãi vay bên liên quan (Thuyết minh 23)	4.807.520.552	14.230.945.209
Chi phí lãi vay khác	-	6.497.753.428
Khác	517.055.905	342.309.836
Tổng cộng	20.403.077.407	25.117.517.473

16. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng, cá nhân	-	90.000.000.000
Vay bên liên quan	350.000.000.000	545.000.000.000
	350.000.000.000	635.000.000.000
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	-	-
TỔNG CỘNG	350.000.000.000	635.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Ngân hàng/cá nhân	Ngày 31/12/2025 VND	Kỳ hạn
Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn	350.000.000.000	Từ ngày 02 tháng 08 năm 2025 đến ngày 15 tháng 04 năm 2026
Tổng cộng	350.000.000.000	

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	203.740.960.097	203.740.960.097
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	981.753.062.898	2.861.766.042.898
Năm nay				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	981.753.062.898	2.861.766.042.898
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	501.570.729.000	501.570.729.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.483.323.791.898	3.363.336.771.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Cổ tức đã chia	-	-

17.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Doanh thu gộp	321.771.242.162	34.899.984.502
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	263.546.540.570	-
Doanh thu dịch vụ	58.224.701.592	34.899.984.502
Doanh thu thuần	321.771.242.162	34.899.984.502
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	263.694.762.794	153.454.548
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 23)	58.076.479.368	34.746.529.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Lãi tiền gửi ngân hàng và các bên khác	3.045.389.573	643.161.119
Lãi tiền cho vay bên liên quan (Thuyết minh 23)	1.011.130.139	197.773.972
Cổ tức, lợi nhuận được chia	561.650.322.000	259.781.590.000
Khoản lãi phát sinh từ việc thu hồi vốn đầu tư do chuyển nhượng vốn cổ phần trong công ty con	16.660.000.000	-
Khác	-	-
Tổng cộng	582.366.841.712	260.622.525.091

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	253.593.959.111	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	39.790.421.634	24.308.002.841
Tổng cộng	293.384.380.745	24.308.002.841

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Chi phí lãi vay bên liên quan (Thuyết minh 23)	27.071.986.301	17.978.534.250
Chi phí lãi vay khác	1.624.438.353	6.761.095.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.552.709	-
Khoản lỗ phát sinh từ việc thu hồi vốn đầu tư do công ty con thực hiện giảm vốn điều lệ	5.134.856.996	-
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	15.618.904.064	3.973.680.018
Khác	2.550.000.000	-
Tổng cộng	52.003.738.423	28.713.310.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Chi phí bán hàng	1.447.112.008	-
Chi phí lương	491.149.200	-
Chi phí vận chuyển	849.762.625	-
Chi phí khác	106.200.183	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.841.367.354	38.704.607.860
Chi phí lương	34.681.494.935	20.549.944.705
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.493.242.377	1.124.995.173
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	419.270.210	341.732.954
Chi phí khác	18.247.359.832	16.687.935.028
Tổng cộng	56.288.479.362	38.704.607.860

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Lãi/(Lỗ) kế toán trước thuế	501.573.837.000	203.741.390.097
Thuế suất là 20% áp dụng cho Công ty	100.314.767.400	40.748.278.019
Chi phí không được trừ	356.888.074	976.455.264
Thu nhập không chịu thuế	(112.330.064.400)	(51.956.318.000)
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	11.658.408.926	10.231.584.717
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	3.108.000	430.000
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	3.108.000	430.000

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	VND Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Vay	-	80.000.000.000
		Trả gốc vay	80.000.000.000	-
		Lãi vay	2.283.863.010	2.547.232.880
		Lãi vay đã trả	4.831.095.890	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	156.000.000	-
		Cổ tức được chia	17.439.200.000	10.899.500.000
		Cổ tức thực nhận	17.439.200.000	10.899.500.000
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông, Thành viên HĐQT tại công ty con đến ngày 01/07/2024	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	239.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức thực nhận	320.985.882.000	202.767.320.000
		Cổ tức được chia	320.985.882.000	166.437.124.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.379.500.007	7.759.723.308
		Vay	-	200.000.000.000
		Trả gốc vay	200.000.000.000	-
		Lãi vay đã trả	14.356.849.315	-
		Lãi vay	8.403.424.654	5.953.424.661
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Mua hàng	46.118.311	-
		Cổ tức thực nhận	41.360.000.000	42.540.000.000
		Cổ tức được chia	36.360.000.000	27.270.000.000
		Cho vay	-	15.000.000.000
		Nhận lại gốc cho vay	15.000.000.000	-
		Lãi cho vay	83.630.137	110.753.425
		Lãi cho vay thực nhận	194.383.562	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.573.145.138	7.992.996.303
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	187.082.926	83.925.812
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.549.260.031	3.163.021.902
		Cổ tức được chia	10.005.400.000	5.002.700.000
		Cổ tức thực nhận	10.005.400.000	5.002.700.000
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức được chia	117.525.000.000	39.175.000.000
		Cổ tức thực nhận	117.525.000.000	39.175.000.000
		Mua hàng	253.586.688.001	-
		Vay	185.000.000.000	165.000.000.000
		Lãi vay	13.493.821.925	6.068.506.846
		Lãi vay đã trả	11.173.356.164	3.581.452.055
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.890.442.882	12.600.383.373
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Giảm vốn điều lệ	69.982.600.000	129.967.680.000
		Vay	-	100.000.000.000
		Trả gốc vay	100.000.000.000	-
		Lãi vay	2.890.876.712	3.243.232.877
		Lãi vay đã trả	6.134.109.589	-
		Cổ tức được chia	37.490.680.000	10.997.266.000
		Cổ tức thực nhận	37.490.680.000	10.997.266.000
		Mua TSCĐ, Công cụ dụng cụ	-	1.948.195.000
		Chi phí dịch vụ thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà khác	-	158.144.218
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.528.131.310	3.230.405.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Công ty con	Góp vốn	-	264.600.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Công ty con	Góp vốn	-	37.350.000.000
		Vay	-	25.000.000.000
		Trả gốc vay	-	25.000.000.000
		Lãi vay	-	166.136.986
		Lãi vay đã trả	-	166.136.986
		Cho vay	20.000.000.000	10.000.000.000
		Nhận lại gốc cho vay	5.000.000.000	-
		Lãi cho vay	927.500.002	87.020.547
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Công ty liên kết	Nhận lãi cho vay	138.630.136	-
		Cổ tức được chia	21.844.160.000	-
		Cổ tức thực nhận	21.844.160.000	-
		Mua hàng	16.000.001	-

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Phải thu của khách hàng				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.649.421.582	8.615.089.546
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.204.553.409	6.969.192.978
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Doanh thu cung cấp	10.526.389	12.416.570
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	67.075.145
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	19.433.148
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	168.480.000	-
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Cổ tức phải thu	-	12.000.000.000
		Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	15.000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	-	110.753.425
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Công ty con	Lãi cho vay phải thu	875.890.413	87.020.547
		Phải thu về cho vay ngắn hạn	25.000.000.000	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

23. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31/12/2025	VND Ngày 31/12/2024
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng	71.002.481.040	-
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	-	4.939.160
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Vay ngắn hạn	350.000.000.000	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	80.000.000.000
Lãi vay				
Công Ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	4.807.520.552	2.487.054.791
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	-	5.953.424.661
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	-	3.243.232.877
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	-	2.547.232.880

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025	VND Cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2024
Lương và lương mềm	8.082.429.000	5.258.733.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán đến cuối Quý IV/2025

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Ngày 31/12/2025	Ngày 31/12/2024
Trong vòng 01 năm	1.006.630.452	1.006.630.452
Trên 01 năm đến 05 năm	4.026.521.808	4.026.521.808
Trên 05 năm	36.195.526.277	37.202.156.729
Tổng cộng	41.228.678.537	42.235.308.989

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 01 năm 2026



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc